

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN HUỲNH BẢO NGHI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN HUỲNH BẢO NGHI

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt: DNTN NGUYỄN HUỲNH BẢO NGHI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301117282

**3. Ngày thành lập:** 20/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 07, Đường Hai Bà Trưng, Khu phố 4, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0949808406

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ                                                                                                                                                      | 4649        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn vỏ dừa, chỉ xơ dừa, lưới xơ dừa, thảm xơ dừa, băng xơ dừa, dây xơ dừa, mụn dừa | 4669        |
| 3.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                          | 9000        |
| 4.  | Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc<br>Chi tiết: Đại lý vé số                                                                                                                                                                      | 9200(Chính) |
| 5.  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                       | 9321        |
| 6.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                             | 9329        |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                               | 6810        |
| 8.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                               | 1811        |
| 9.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                            | 1812        |
| 10. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                 | 2012        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                 | 4931        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                    | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 14. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                               | 5021        |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 16. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                  | 5590        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                    | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 18. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                       | 5621                                                                |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630                                                                |
| 20. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: cho thuê bảng quảng cáo                                                                                                                                                                                                 | 7729                                                                |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                 | 7730                                                                |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911                                                                |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                          | 7912                                                                |
| 24. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                            | 7990                                                                |
| 25. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                       | 8219                                                                |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ                                                                                                                                                | 4773                                                                |
| 27. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

## 6. Chủ doanh nghiệp:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**7. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre